

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm 2017 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Quốc Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15/04/2017
Ông Lê Quốc Tuấn	Thành viên	Đến ngày 15/04/2017
Ông Trương Hữu Chí	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 15/04/2017
Ông Trương Hữu Chí	Thành viên	Từ ngày 15/04/2017
Ông Vũ Trọng Hiến	Thành viên	
Ông Tạ Đình Lân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2017
Ông Nguyễn Đức Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2017
Ông Trương Minh Khôi	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2017
Ông Vũ Hồ Việt	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2017

Ban Giám đốc

Ông Trương Hữu Chí	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Đình Lân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Minh Khôi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Quân	Giám đốc
Ông Hoàng Anh Sơn	Giám đốc Kỹ thuật
Bà Dương Thị Hà Bích	Giám đốc Tài chính

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Dương Thị Hà Bích.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trương Hữu Chí
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 30/03/2018, trình bày từ trang 06 đến trang 34 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi thực hiện kiểm toán nhằm đưa ra ý kiến về tình hình tài chính, sự tuân thủ các quy chế về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản theo các thủ tục kiểm toán thông thường, không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành. Việc này chỉ thực hiện khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù áp dụng riêng cho việc quyết toán vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2017, tổng số dự phòng phải thu khó đòi của Công ty chưa được trích lập dự phòng đầy đủ theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính với giá trị khoảng 3,19 tỷ đồng.

Đến ngày 31/12/2017, Dự án Công trình Nhà máy Sản xuất máy Xây dựng Công nghệ cao tại Đình Vũ không thể triển khai tiếp do không được phê duyệt, tổng chi phí san lấp mặt bằng của dự án với số tiền 1.083.079.320 đồng đang được theo dõi trên khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” mà chưa được tiến hành phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2017.

Liên quan đến các khoản đầu tư dài hạn khác, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của các Công ty nhận đầu tư nên chưa có cơ sở xem xét liệu có cần phải trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (nếu có) cho các khoản đầu tư này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số
0798-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Văn Hải
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số
1395-2018-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31/12/2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		222.144.678.834	217.009.460.389
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	15.857.399.405	10.425.104.388
Tiền	111		15.857.399.405	10.425.104.388
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		96.966.236.103	106.450.311.265
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	102.759.428.060	111.388.214.379
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.794.563.664	3.915.677.849
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	10	2.267.334.516	2.567.334.516
Các khoản phải thu khác	136	10	1.363.773.023	3.011.304.681
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(14.218.863.160)	(14.432.220.160)
Hàng tồn kho	140	11	106.996.610.126	97.909.976.567
Hàng tồn kho	141		106.996.610.126	97.909.976.567
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.324.433.200	2.224.068.169
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	18.037.425	265.503.251
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.055.352.954	1.958.564.918
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		251.042.821	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		261.480.697.440	264.817.302.193
Các khoản phải thu dài hạn	210		6.062.323.287	6.085.363.287
Phải thu dài hạn khác	216	10	6.062.323.287	6.085.363.287
Tài sản cố định	220		19.577.381.942	19.810.170.327
Tài sản cố định hữu hình	221	12	19.577.381.942	19.810.170.327
- Nguyên giá	222		54.284.110.961	51.725.263.505
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.706.729.019)	(31.915.093.178)
Tài sản cố định vô hình	227	14	-	-
- Nguyên giá	228		3.398.068.098	3.398.068.098
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.398.068.098)	(3.398.068.098)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		205.428.739.541	204.477.387.881
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	205.428.739.541	204.477.387.881
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	14.562.141.257	17.739.128.814
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.210.627.757	2.917.005.314
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.351.513.500	14.822.123.500
Tài sản dài hạn khác	260		15.850.111.413	16.705.251.884
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	15.850.111.413	16.705.251.884
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		483.625.376.274	481.826.762.582

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		345.492.391.616	348.597.226.016
Nợ ngắn hạn	310		124.345.641.094	128.246.154.427
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	41.920.314.284	42.506.299.181
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.113.391.587	7.489.088.507
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	3.042.579.354	2.357.446.030
Phải trả người lao động	314		4.094.397.216	5.674.711.500
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		279.020.434	66.452.464
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	6.269.059.176	10.181.442.649
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	59.844.811.490	58.322.170.043
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		782.067.553	1.648.544.053
Nợ dài hạn	330		221.146.750.522	220.351.071.589
Phải trả dài hạn khác	337	16	218.291.750.522	217.346.071.589
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	1.555.000.000	1.705.000.000
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.300.000.000	1.300.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		138.132.984.658	133.229.536.566
Vốn chủ sở hữu	410	20	130.348.924.658	133.229.536.566
Vốn góp của chủ sở hữu	411		38.000.000.000	38.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		38.000.000.000	38.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		16.200.000.000	16.200.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		10.793.442.327	10.793.442.327
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.251.136.100	21.472.059.601
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		21.172.313.290	16.653.948.136
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(1.921.177.190)	4.818.111.465
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	21	46.104.346.231	46.764.034.638
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		7.784.060.000	-
Nguồn kinh phí	431		7.784.060.000	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		483.625.376.274	481.826.762.582

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu



Bùi Thị Oanh

Kế toán trưởng



Dương Thị Hà Bích

Tổng Giám đốc



Trương Hữu Chí

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	209.122.057.444	289.003.904.940
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		209.122.057.444	289.003.904.940
Giá vốn hàng bán	11	23	181.063.018.100	242.279.154.004
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.059.039.344	46.724.750.936
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	897.515.143	1.147.782.394
Chi phí tài chính	22	25	7.400.787.390	4.339.531.792
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.468.143.107	4.138.302.054
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		287.996.689	(440.752.493)
Chi phí bán hàng	25		4.627.402.933	4.024.930.336
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		15.569.747.039	22.088.108.953
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.646.613.814	16.538.457.263
Thu nhập khác	31		44.474.668	16.923.160
Chi phí khác	32		614.817.129	125.664.404
Lợi nhuận khác	40		(570.342.461)	(108.741.244)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.076.271.353	16.870.468.512
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		976.069.028	1.232.480.415
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		100.202.325	15.637.988.097
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(1.921.177.190)	8.548.911.465
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	26	2.021.379.515	7.089.076.632
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	(506)	2.068

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Bùi Thị Oanh

Kế toán trưởng

Dương Thị Hà Bích

Tổng Giám đốc



Trương Hữu Chí

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		1.076.271.353	16.870.468.512
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.826.181.305	3.163.493.454
Các khoản dự phòng	03		(213.357.000)	5.420.310.008
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(5.665.365)	(5.266.650)
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		722.457.351	143.125.762
Chi phí lãi vay	06		5.468.143.107	4.138.302.054
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		9.874.030.751	29.730.433.140
Tăng giảm các khoản phải thu	09		9.372.641.305	(20.042.445.931)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		9.086.633.559	(22.673.386.637)
Tăng giảm các khoản phải trả	11		(7.611.031.942)	8.193.352.616
Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.102.606.297	603.417.575
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.895.381.112)	(4.104.597.032)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.504.473.680)	(1.392.713.366)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		22.780.814.059	26.248.715.249
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(28.374.848.894)	(27.985.595.480)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		9.830.990.343	(11.422.819.866)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(2.163.667.516)	(3.876.723.838)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		8.000.000	909.091
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.500.000.000)	(4.300.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.800.000.000	6.323.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(129.900.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.576.488.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		891.849.778	297.626.731
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(963.817.738)	(108.600.016)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của cổ đông thiếu số tại các Công ty con			399.543.056	-
Tiền thu từ đi vay	33		110.639.480.243	99.680.217.543
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(109.266.838.796)	(85.087.979.549)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.119.474.700)	(1.900.000.000)
Cổ tức đã trả cho các cổ đông thiếu số			(3.088.782.575)	(1.124.684.540)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>(3.436.072.772)</i>	<i>11.567.553.454</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		5.431.099.833	36.133.572
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		10.425.104.388	10.387.759.106
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.195.184	1.211.710
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	7	15.857.399.405	10.425.104.388

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Bùi Thị Oanh

Kế toán trưởng

Dương Thị Hà Bích

Tổng Giám đốc



Trương Hữu Chí

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp (“Công ty”), tiền thân là Xí nghiệp Sản xuất thiết bị xây dựng thuộc Công ty Kinh doanh Vật tư và Xây dựng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội. Công ty được chuyển đổi (Cổ phần hoá) từ doanh nghiệp Nhà Nước theo Quyết định số 601/QĐ-BXD ngày 25/05/1999 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100947309 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/10/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 05/05/2017.

Trụ sở chính: Tầng 19, tòa nhà Gelex, số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Kinh doanh trung tâm thể thao, dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh quán Bar);
- Lắp đặt máy và thiết bị công nghiệp;
- Thiết kế chuyển giao công nghệ trong ngành máy và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất, lắp đặt kết cấu thép và nhà xưởng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng; Sản xuất bê tông các loại;
- Chuyển giao công nghệ mới trong ngành máy và thiết bị công nghiệp; Dịch vụ chuyển giao công nghệ; Tư vấn chuẩn bị dự án, lập dự án, tư vấn thực hiện dự án;
- Tư vấn điều hành quản lý dự án;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH (TIẾP)

- Sản xuất, kinh doanh máy và thiết bị công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản, môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản; tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản;
- Thiết kế kiến trúc, nội ngoại thất công trình; thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thiết kế hệ thống điều khiển công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống điện, lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ cơ khí công trình công nghiệp; Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát thi công xây dựng các loại công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông. Lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện;
- Đại lý môi giới, đấu giá;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật.

2. DANH SÁCH CÁC CÔNG TY ĐƯỢC HỢP NHẤT

	Công ty	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2017 (%)	Trụ sở
1	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE 1	60.000	54%	Lô đất 22 + 23 KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội
2	Công ty Cổ phần Thương mại Kim Hoa	3.000	51%	Số 4 Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
3	Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2	3.000	70,84%	Lô 22, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội
4	Công ty CP Máy và Thiết bị Công nghiệp 1-5	5.291,5	50,78%	Số 348 Hai Bà Trưng, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
5	Viện cơ điện tử CIE	1.000	100%	Tầng 19 Tòa nhà GELEX số 52 Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

3. CÔNG TY LIÊN KẾT ĐƯỢC PHẢN ẢNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT THEO PHƯƠNG PHÁP VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tại ngày 31/12/2017, Công ty có 01 công ty liên kết là Công ty CP 3B với tỷ lệ sở hữu và biểu quyết là 28%.

4. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính hợp nhất này là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

5.1. TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5.2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con, bao gồm:

- 1 Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1
- 2 Công ty Cổ phần Thương mại Kim Hoa
- 3 Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2
- 4 Công ty CP Máy và Thiết bị Công nghiệp 1-5
- 5 Viện Cơ Điện tử CIE

Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE được hợp nhất trên cơ sở số liệu trên Báo cáo tài chính của các đơn vị đã được kiểm toán. Các nghiệp vụ (giao dịch) và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con được loại trừ khi lập báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt trên vốn chủ sở hữu.

Giá trị khoản mục đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

6. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

6.1. ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6.2. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

6.3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

6.4. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

6.5. TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 về sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6.6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 45/2013/QĐ-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
- Máy móc thiết bị	03 - 08
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03
- Thiết bị quản lý	02 - 08

6.7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình bao gồm: bản quyền, bằng sáng chế; và khoản chi phí đền bù, san lấp mặt bằng tại Khu Công nghiệp Quang Minh. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Bản quyền, bằng sáng chế	05
Tài sản cố định vô hình khác	05

6.8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm: các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này.

6.9. GHI NHẬN DOANH THU, GIÁ VỐN

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua, đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6.10. CHI PHÍ ĐI VAY

Các khoản vay của công ty trong năm gồm các khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Toàn bộ chi phí lãi vay phát sinh được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

6.11. NGOẠI TỆ

Trong năm 2017, việc xử lý chênh lệch tỷ giá đối với các khoản mục tiền tệ được Công ty áp dụng như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính, thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.
- Cuối năm tài chính, Công ty đánh giá lại số dư tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ ra “đồng Việt Nam” theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.
- Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm.

6.12. BÊN LIÊN QUAN

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra các quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

6.13. THUẾ

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế TNDN hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành là 20%. Riêng đối với Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị công nghiệp CIE1 được chứng nhận là doanh nghiệp khoa học công nghệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khoa học và công nghệ số 09/DNKHCN ngày 28/08/2012 do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp. Theo đó, Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị công nghiệp CIE1 được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho doanh nghiệp khoa học công nghệ, không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các qui định hiện hành của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	812.454.553	804.567.230
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.044.944.852	9.620.537.158
	15.857.399.405	10.425.104.388

8. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	102.759.428.060	111.388.214.379
- Công ty CP Viện máy và Dụng cụ Công nghiệp	5.139.179.465	9.792.518.815
- Công ty CP Đầu tư Sông Đà - Việt Đức	-	6.061.000.000
- Tổng Công ty Đầu tư Hà Thanh - CTCP	5.468.083.000	6.321.030.000
- Công ty CP Sông Đà 5	4.284.170.000	4.284.170.000
- Trung tâm chuyên giao công nghệ (CETEC)	2.040.450.000	2.342.081.250
- Công ty TNHH Kinh doanh Á Việt	4.817.755.000	4.817.755.000
- Công ty TNHH ABB	5.006.763.211	3.762.887.856
- Các khách hàng khác	80.020.978.749	74.006.771.458

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	18.037.425	265.503.251
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	18.037.425	265.503.251
Chi phí trả trước dài hạn	15.850.111.413	16.705.251.884
- Chi phí thuê Văn Phòng dài hạn	9.289.393.091	9.510.565.091
- Trả trước tiền thuê cơ sở hạ tầng	3.559.638.796	3.676.636.072
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	374.216.179	525.766.478
- Sửa chữa văn phòng	-	274.182.036
- Nghiên cứu đổi mới khoa học công nghệ	1.500.000.000	1.500.000.000
- Các khoản khác	1.144.900.772	1.218.102.207
	15.868.148.838	16.970.755.135

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	1.363.773.023	-	3.011.304.681	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	153.141.000	-	153.141.000	-
- Phải thu người lao động	203.690.364	-	196.390.364	-
- Ký cược, ký quỹ	57.066.640	-	1.548.335.000	-
- Phải thu khác	949.875.019	-	1.113.438.317	-
Cho vay ngắn hạn	2.267.334.516	-	2.567.334.516	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà (CIE-CMC-SĐVĐ)	2.167.334.516	-	2.167.334.516	-
Đối tượng khác	100.000.000	-	400.000.000	-
Dài hạn	6.062.323.287	-	6.085.363.287	-
- Công ty CP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng- Hỗ trợ dự án	6.062.323.287	-	6.062.323.287	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	23.040.000	-
	7.426.096.310	-	9.096.667.968	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.663.044.059	-	17.484.880.717	-
Công cụ, dụng cụ	250.096.883	-	181.942.681	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	93.077.106.284	-	79.200.426.634	-
Thành phẩm	1.006.362.900	-	1.006.362.900	-
Hàng hoá	-	-	36.363.635	-
	106.996.610.126	-	97.909.976.567	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2017	29.310.761.459	11.943.734.371	9.865.222.175	605.545.500	51.725.263.505
- Mua trong năm	595.644.820	600.207.200	1.414.813.636	-	2.610.665.656
- Giảm khác	-	-	-	(51.818.200)	(51.818.200)
31/12/2017	<u>29.906.406.279</u>	<u>12.543.941.571</u>	<u>11.280.035.811</u>	<u>553.727.300</u>	<u>54.284.110.961</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2017	17.985.707.181	8.234.269.373	5.387.718.939	307.397.685	31.915.093.178
- Khấu hao trong năm	988.732.281	1.080.507.508	646.205.708	110.735.808	2.826.181.305
- Giảm khác	-	-	-	(34.545.464)	(34.545.464)
31/12/2017	<u>18.974.439.462</u>	<u>9.314.776.881</u>	<u>6.033.924.647</u>	<u>383.588.029</u>	<u>34.706.729.019</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2017	<u>11.325.054.278</u>	<u>3.709.464.998</u>	<u>4.477.503.236</u>	<u>298.147.815</u>	<u>19.810.170.327</u>
31/12/2017	<u>10.931.966.817</u>	<u>3.229.164.690</u>	<u>5.246.111.164</u>	<u>170.139.271</u>	<u>19.577.381.942</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Theo phương pháp vốn CSH	Giá gốc VND	Theo phương pháp vốn CSH
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	3.500.000.000	3.210.627.757	3.500.000.000	2.917.005.314
+ Công ty CP 3B	3.500.000.000	3.210.627.757	3.500.000.000	2.917.005.314

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Số lượng Cổ phần CP	Giá gốc VND	Số lượng Cổ phần CP
Đầu tư vào đơn vị khác	11.351.513.500		14.822.123.500	
+ Công ty CP Công nghiệp Môi trường	375.000.000	37.500	375.000.000	37.500
+ Công ty CP Đầu tư-Tư vấn Xây dựng IMI	12.500.000	1.250	12.500.000	1.250
+ Công ty CP 3B	-	-	-	-
+ Công ty TNHH Tư vấn và Phát triển phần mềm	40.000.000	-	40.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Viện máy và dụng cụ Công nghiệp	5.652.373.500	267.885	5.652.373.500	267.885
+ Công ty Cổ phần Công nghệ cao Hitechco	-	-	3.470.610.000	197.061
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà CIE-CMC-SĐVĐ	4.870.000.000	487.000	4.870.000.000	487.000
+ Công ty CP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng	352.500.000	22.500	352.500.000	22.500
+ Công ty CP Đầu tư và PT CCV	49.140.000	4.914	49.140.000	4.914

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Bản quyền bằng sáng chế VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
01/01/2017	700.000.000	2.698.068.098	3.398.068.098
31/12/2017	<u>700.000.000</u>	<u>2.698.068.098</u>	<u>3.398.068.098</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
01/01/2017	700.000.000	2.698.068.098	3.398.068.098
31/12/2017	<u>700.000.000</u>	<u>2.698.068.098</u>	<u>3.398.068.098</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình			
01/01/2017	-	-	-
31/12/2017	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Mua sắm	298.258.784	298.258.784
Cầu trục 3,2 tấn	166.769.515	166.769.515
Cầu trục 10 tấn	131.489.269	131.489.269
Xây dựng cơ bản	205.130.480.757	204.179.129.097
Dự án nhà chung cư Nhân chính - Thanh Xuân (*)	202.940.715.385	202.940.715.385
Các công trình khác	2.189.765.372	1.238.413.712
	<u>205.428.739.541</u>	<u>204.477.387.881</u>

(*): Đây là dự án được triển khai theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2015/HĐHTKD ngày 28/05/2015 giữa Công ty CP Sông Đà Việt Đức (SĐVD), Công ty CP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng (CMC) và Công ty CP Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị công nghiệp (CIE) để đầu tư dự án nhà ở tại ngõ 164 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội với tổng mức đầu tư dự kiến là 1.497.806.306 đồng. Tỷ lệ góp vốn của các bên là: SĐVD góp 51,4%, CMC góp 24,3% và CIE góp 24,3% trong tổng số vốn góp dự kiến là 299.561.333.061 đồng. Các bên sẽ cùng tham gia quá trình triển khai dự án với tư cách là đồng Chủ Đầu tư và ủy quyền cho SĐVD là đại diện Chủ đầu tư. Các bên thống nhất ủy quyền cho Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà CIE-CMC-SĐVD (CCV Housing) làm Ban điều phối Dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	6.269.059.176	10.181.442.649
- Kinh phí công đoàn	265.763.177	228.830.971
- Bảo hiểm xã hội, y tế	200.215.673	29.534.518
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	2.216.900
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.840.413.900	4.539.126.713
- Công ty Cổ phần Công nghệ cao	1.962.666.426	1.576.988.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	3.804.745.547
Dài hạn	218.291.750.522	217.346.071.589
Dự án Nhà chung cư Nhân chính - Thanh Xuân	218.148.490.950	217.202.812.017
- Công ty CP Đầu tư và PT nhà CIE-CMC-SĐVĐ	184.047.263.789	183.183.184.856
- Công ty CP Kinh doanh Vật tư & Xây dựng	6.719.003.823	6.719.003.823
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sông Đà - Việt Đức	27.382.223.338	27.300.623.338
Phải trả cổ phần hóa tại Công ty Cổ phần Cơ khí 1-5	143.259.572	143.259.572

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	41.920.314.284	41.920.314.284	42.506.299.181	42.506.299.181
- Công ty Cổ phần 3B	1.900.446.980	1.900.446.980	1.900.446.980	1.900.446.980
- Công ty TNHH TM & XL Điện Việt Nhật	3.379.645.500	3.379.645.500	3.379.645.500	3.379.645.500
- Công ty TNHH SX DV & TM thép Việt Anh	3.635.629.500	3.635.629.500	3.635.629.500	3.635.629.500
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh	3.411.318.199	3.411.318.199	3.411.318.199	3.411.318.199
- Công ty TNHH Kim khí & Dịch vụ Vận tải	432.332.230	432.332.230	432.332.230	432.332.230
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Z179	2.005.796.342	2.005.796.342	2.005.796.342	1.372.175.640
- Các đối tượng khác	27.155.145.533	27.155.145.533	27.741.130.430	27.741.130.430
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp	2.357.446.030	12.866.402.903	12.181.269.579	3.042.579.354
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	1.339.536.894	9.037.184.841	8.435.454.446	1.941.267.289
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	370.895.487	370.895.487	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	311.289.411	1.219.718.425	1.504.473.680	26.534.156
- Thuế thu nhập cá nhân	393.507.335	720.879.113	691.733.592	422.652.856
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	6.807.988	1.056.562.620	1.058.535.120	4.835.488
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	306.304.402	-	-	306.304.402
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	461.162.417	120.177.254	340.985.163

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Vay ngắn hạn	59.844.811.490	59.844.811.490	110.639.480.243	109.116.838.796	58.322.170.043	58.322.170.043
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Đống Đa	41.593.896.942	41.593.896.942	85.134.334.485	87.426.957.466	43.886.519.923	43.886.519.923
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Đống Đa (CIE 1)	39.328.011.002	39.328.011.002	79.048.747.857	75.579.810.061	35.859.073.206	35.859.073.206
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Đống Đa (CIE 2)	2.265.885.940	2.265.885.940	6.085.586.628	11.847.147.405	8.027.446.717	8.027.446.717
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	7.077.890.209	7.077.890.209	18.206.121.419	16.639.881.330	5.511.650.120	5.511.650.120
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội	615.000.000	615.000.000	615.000.000	-	-	-
- Ngân hàng Liên doanh Việt Nga	1.084.024.339	1.084.024.339	1.084.024.339	-	-	-
- Vay các cá nhân	9.474.000.000	9.474.000.000	5.600.000.000	5.050.000.000	8.924.000.000	8.924.000.000
+ Tại CIE 1	5.260.000.000	5.260.000.000	4.200.000.000	4.700.000.000	5.760.000.000	5.760.000.000
+ Tại Kim Hoa	1.064.000.000	1.064.000.000	1.040.000.000	50.000.000	74.000.000	74.000.000
+ Tại Cơ khí 1-5	3.150.000.000	3.150.000.000	360.000.000	-	2.790.000.000	2.790.000.000
+ Viện cơ điện	-	-	-	300.000.000	300.000.000	300.000.000
Vay dài hạn	1.555.000.000	1.555.000.000	-	150.000.000	1.705.000.000	1.705.000.000
- Vay các cá nhân	1.555.000.000	1.555.000.000	-	150.000.000	1.705.000.000	1.705.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1. BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2016	38.000.000.000	-	10.793.442.327	42.405.643.791	33.243.807.081	124.442.893.199
- Lãi trong năm nay	-	-	-	7.089.076.632	8.548.911.465	15.637.988.097
- Tạm chia cổ tức	-	-	-	-	(3.040.000.000)	(3.040.000.000)
- Tạm trích quỹ khen thưởng	-	-	-	-	(690.800.000)	(690.800.000)
- Giảm do hợp nhất	-	16.200.000.000	-	(2.730.685.785)	(16.589.858.945)	(3.120.544.730)
31/12/2016	38.000.000.000	16.200.000.000	10.793.442.327	46.764.034.638	21.472.059.601	133.229.536.566
01/01/2017	38.000.000.000	16.200.000.000	10.793.442.327	46.764.034.638	21.472.059.601	133.229.536.566
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	399.543.056	-	399.543.056
- Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	2.021.379.515	(1.921.177.190)	100.202.325
- Giảm do hợp nhất	-	-	-	(3.080.610.978)	(299.746.311)	(3.380.357.289)
31/12/2017	38.000.000.000	16.200.000.000	10.793.442.327	46.104.346.231	19.251.136.100	130.348.924.658



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.2. CỔ PHIẾU

	31/12/2017	01/01/2017
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	3.800.000	3.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.800.000	3.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.800.000	3.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.800.000	3.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.800.000	3.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

20.3. CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	38.000.000.000	38.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	38.000.000.000	38.000.000.000

21. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị CN CIE1	37.575.472.693	39.746.927.912
Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị CN CIE2	3.268.356.429	2.965.236.188
Công ty Cổ phần Thương mại Kim Hoa	1.845.811.318	1.866.983.939
Công ty CP Máy và Thiết bị Công nghiệp 1-5	3.414.705.791	2.184.886.599
	46.104.346.231	46.764.034.638

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu	209.122.057.444	289.003.904.940
+ Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	169.283.615.998	255.465.442.679
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	39.838.441.446	33.538.462.261

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	146.343.743.079	218.295.377.476
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	34.719.275.021	23.983.776.528
	181.063.018.100	242.279.154.004

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	62.310.291	128.772.849
Cổ tức, lợi nhuận được chia	829.539.487	177.035.700
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	36.600.480
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	5.665.365	5.266.650
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	800.106.715
	897.515.143	1.147.782.394

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	5.468.143.107	4.138.302.054
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	1.894.122.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	38.522.283	39.502.820
Chi phí tài chính khác	-	161.726.918
	7.400.787.390	4.339.531.792

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

26. LỢI NHUẬN SAU THUẾ CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị CN CIE1	685.144.781	5.067.298.338
Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị CN CIE2	550.980.242	1.003.155.871
Công ty Cổ phần Thương mại Kim Hoa	155.227.379	170.629.675
Công ty Cổ phần Cơ khí 1-5	630.027.113	847.992.748
	2.021.379.515	7.089.076.632

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận/Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.921.177.190)	8.548.911.465
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	(690.800.000)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(690.800.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.921.177.190)	7.858.111.465
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.800.000	3.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(506)	2.068

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

28. THÔNG TIN BÊN LIÊN QUAN

GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Mua hàng từ bên liên quan		-	3.909.406.000
- Công ty Cổ phần 3B	Công ty liên kết	-	3.909.406.000

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm máy móc cơ khí chế tạo, đồng thời các các hoạt động này chỉ diễn ra ở Việt Nam nên Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên góp vốn thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần (bao gồm khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn góp của các thành viên góp vốn của Công ty gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 6.2.

	Giá trị ghi sổ 31/12/2017 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2017 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.857.399.405	10.425.104.388
Đầu tư ngắn hạn	2.267.334.516	2.567.334.516
Phải thu khách hàng và phải thu khác	89.700.647.559	99.793.948.536
Đầu tư dài hạn khác	11.351.513.500	14.822.123.500
Tổng cộng	119.176.894.980	127.608.510.940
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	61.399.811.490	60.027.170.043
Phải trả người bán và phải trả khác	47.723.394.610	52.427.159.441
Chi phí phải trả	279.020.434	66.452.464
Tổng cộng	109.402.226.534	112.520.781.948

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Các loại công cụ tài chính

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ tài chính (Thông tư 200) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro Thanh khoản. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ là đồng Đô la Mỹ (USD) và đồng EUR do đó Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự biến động về tỷ giá. Tuy nhiên các giao dịch này phát sinh ít và Ban Giám đốc Công ty đánh giá mức độ chịu rủi ro tỷ giá của Công ty đối với USD và EUR là không đáng kể.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất chủ yếu phát sinh từ khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn với lãi suất cố định. Để giảm thiểu rủi ro về lãi suất, thông qua phân tích và dự báo, Công ty đã lựa chọn các thời điểm và kỳ hạn thích hợp trong năm để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc duy trì các khoản vay theo lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và dòng tiền của các khoản gốc.

Công nợ tài chính	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
31/12/2017			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	59.844.811.490	1.555.000.000	61.399.811.490
Phải trả người bán và phải trả khác	47.723.394.610	-	47.723.394.610
Chi phí phải trả	279.020.434	-	279.020.434
	107.847.226.534	1.555.000.000	109.402.226.534
01/01/2017			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	58.322.170.043	1.705.000.000	60.027.170.043
Phải trả người bán và phải trả khác	52.427.159.441	-	52.427.159.441
Chi phí phải trả	66.452.464	-	66.452.464
	110.815.781.948	1.705.000.000	112.520.781.948

Ban Giám đốc đánh mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức bình thường. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tài sản tài chính	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.857.399.405	-	15.857.399.405
Đầu tư ngắn hạn	2.267.334.516	-	2.267.334.516
Phải thu khách hàng và phải thu khác	89.700.647.559	-	89.700.647.559
Đầu tư dài hạn	-	11.351.513.500	11.351.513.500
	107.825.381.480	11.351.513.500	119.176.894.980
01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.425.104.388	-	10.425.104.388
Đầu tư ngắn hạn	2.567.334.516	-	2.567.334.516
Phải thu khách hàng và phải thu khác	99.770.908.536	23.040.000	99.793.948.536
Đầu tư dài hạn	-	14.822.123.500	14.822.123.500
	112.763.347.440	14.845.163.500	127.608.510.940

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán của Công ty.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu



Bùi Thị Oanh

Kế toán trưởng



Dương Thị Hà Bích

Tổng Giám đốc



Trương Hữu Chí